

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2021/DS-PT

Ngày: 22/11/2021

V/v: “*Kiến chia di sản thừa kế và
hủy Giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Công Thi

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tào và bà Lê Thúy Cầu

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Trang, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Dung, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 176/2021/TLPT-DS ngày 17 tháng 5 năm 2021 về việc: “*Kiến chia di sản thừa kế và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-PT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 347/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hoàng Công T, sinh năm 1959. Địa chỉ: Thôn 1, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Bị đơn: Ông Hoàng Công T, sinh năm 1947; bà Hoàng Thị G, sinh năm 1951. Địa chỉ: Thôn 1, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.
2. Ông Hoàng Công Đ, sinh năm 1938;
3. Ông Hoàng Công P, sinh năm 1955;
4. Bà Hoàng Thị B, sinh năm 1942;

5. Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1951;

6. Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1963;

7. Bà Hoàng Thị D, sinh năm 1967;

8. Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1963;

Cùng trú tại: Thôn 1, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

9. Bà Bùi Thị L (là người thừa kế tổ tụng của ông Hoàng Công X). Địa chỉ: Thôn 6, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

10. Hoàng Thị N, sinh năm 1948. Địa chỉ: Thôn 3, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

11. Hoàng Thị T, sinh năm 1958. Địa chỉ: thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

12. Ông Lê Minh H, sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn 1, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.;

13. Ông Hoàng Thanh H, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn 1, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.;

14. Ông Trương Thanh B, bà Lê Thị H. Địa chỉ: Thôn 1, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.;

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Hoàng Công T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được xác định như sau:

Tại Đơn khởi kiện ngày 05 tháng 8 năm 2020 đã được sửa đổi bổ sung ngày 20/8/2020, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Hoàng Công T (viết tắt là nguyên đơn) trình bày: Bố mẹ nguyên đơn là cụ Hoàng Công P, cụ Hoàng Thị C, hai cụ sinh 12 người con, gồm: ông Hoàng Công Đ, sinh năm 1938; ông Hoàng Công X, sinh năm 1940; bà Hoàng Thị B, sinh năm 1942; ông Nguyễn Công T, sinh năm 1947; bà Hoàng Thị N, sinh năm 1948; bà Hoàng Thị L, sinh năm 1951; ông Hoàng Công P, sinh năm 1955; bà Hoàng Thị T, sinh năm 1958; ông Hoàng Công T, sinh năm 1959; bà Hoàng Thị H, sinh năm 1963; Hoàng Thị H, sinh năm 1963; bà Hoàng Thị D, sinh năm 1967. Cụ Hoàng Công P, chết năm 1976, cụ Hoàng Thị C chết năm 1997, hai cụ không để lại di chúc. Di sản hai cụ để lại 250m² đất màu tại thửa đất số 264, tờ bản đồ số 07 xã L, thị xã Đ (nay là thành phố Đ). Khi mẹ nguyên đơn đang còn sống thì các anh chị em trong gia đình vẫn canh tác trên diện tích thửa đất này, sau đó ông Hoàng Công T mượn anh em để làm quán kinh doanh rồi hợp lý hóa thành đất của mình và được ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) số 02638 ngày 09/9/1991. Hiện nay ông T đã chuyển nhượng hết toàn bộ diện tích đất này cho người khác. Để đảm bảo quyền lợi của mình và các đồng thừa kế khác nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ số A860361 ngày 09/9/1991 của UBND thành phố Đ cấp cho ông Hoàng Công T; GCNQSDĐ của những người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án được cấp trên thửa đất số 264, tờ bản đồ số 7 xã L và chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Hoàng Công T, bà Hoàng Thị G (viết tắt bị đơn): Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, thời điểm bố mẹ của bị đơn là cụ P, cụ C chết. Tuy nhiên, bị đơn không thừa nhận diện tích đất màu 250m² tại thửa đất số 264, tờ bản đồ số 7 xã L là di sản thừa kế của hai cụ để lại, bởi lẽ năm 1973 sau khi xuất ngũ lập gia đình bị đơn đã làm nhà ở riêng, ngày 09 tháng 9 năm 1991 bị đơn được UBND thị xã Đ cấp GCNQSDĐ tại hai thửa đất số 263 và 264, tờ bản đồ số 7 xã L (thửa đất màu số 264 nguyên đơn đang tranh chấp). Nay vợ chồng bị đơn không chấp nhận việc khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản tự khai, biên bản hòa giải ông Hoàng Công P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án trình bày: Ông là con đẻ của cụ P, cụ C, ông nhất trí với trình bày của nguyên đơn, bị đơn về tên, năm chết, các con của bố mẹ. Diện tích đất thừa kế của bố mẹ hiện do ông Hoàng Công T và bà Hoàng Thị H quản lý, sử dụng. Diện tích đất màu tại thửa đất số 264, tờ bản đồ số 7 xã L không phải là di sản thừa kế của bố mẹ, phần diện tích đất này cụ C đã giao cho vợ chồng ông T quản lý, sử dụng lúc còn sống. Vì vậy ông không chấp nhận việc khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bà Hoàng Thị B, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị L, bà Hoàng Thị T, bà Hoàng Thị H, bà Hoàng Thị D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án trình bày: Các bà là con đẻ của cụ P, cụ C, các bà nhất trí với trình bày của nguyên đơn, bị đơn về tên, năm chết, các con của bố mẹ. Diện tích đất màu tại thửa đất số 264, tờ bản đồ số 7 xã L là di sản thừa kế của bố mẹ để lại, vì lúc cụ C đang còn sống thì các bà đang canh tác, sử dụng thửa đất này đến năm 1993 thì ông T mới mượn để làm quán kinh doanh. Vì vậy các bà đề nghị Tòa án chấp nhận việc khởi kiện của nguyên đơn và chia di sản thừa này theo quy định của pháp luật.

Tại Công văn số 2017/UBND - TNMT ngày 03 tháng 11 năm 2020 và Công văn số 314/UBND - TNMT ngày 22 tháng 02 năm 2021 của UBND thành phố Đ trình bày: Việc cấp, cấp đổi GCNQSDĐ của thành phố Đ cho ông Hoàng Công T, bà Hoàng Thị G tại thửa đất số 264, tờ bản đồ số 07 xã L, sau đó được cấp đổi GCNQSDĐ vào ngày 05/8/2013, đổi thành thửa đất số 586, tờ bản đồ số 42 xã L với diện tích 298m² là đúng trình tự, thủ tục, vì vậy UBND thành phố Đồng Hới không chấp nhận việc khởi kiện của nguyên đơn.

Ông Trương Thanh B, bà Lê Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án trình bày: ông bà là người nhận chuyển nhượng thửa đất số 273, tờ bản đồ số 42 xã L từ ông Hoàng Công T, bà Hoàng Thị G. Việc chuyển nhượng thực hiện đúng quy định của pháp luật, ông bà đã được UBND thành phố Đ cấp GCNQSDĐ. Vì vậy ông bà đề nghị Tòa án xem xét để đảm bảo quyền lợi của ông bà.

Ông Hoàng Thanh H và ông Lê Minh H, ông Hoàng Công Đ, bà Bùi Thị L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án (ông H, ông H người nhận chuyển nhượng từ ông Hoàng Công T, bà Hoàng Thị G) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có ý kiến.

Với những nội dung đã được xác định nêu trên tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-PT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình. đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 34, Điều 227, Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 97, Điều 202 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Án lệ số 40/2021/AL được Tòa án nhân dân tối cao quyết định công bố số 42/QĐ-CA ngày 12 tháng 3 năm 2021; tiết 4 điểm đ khoản 1 khoản 3 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Không chấp nhận khởi kiện của ông Hoàng Công T về việc yêu cầu chia thừa kế thừa đất số 264, tờ bản đồ số 7 xã L, thành phố Đ và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A860361 ngày 09 tháng 9 năm 1991 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp cho ông Hoàng Công T; GCNQSDĐ của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án được cấp trên diện tích đất chia thừa kế.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần chi phí tố tụng, án phí, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/4/2021 ông Hoàng Công T có đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án sơ thẩm, lý do kháng cáo ông T cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ về nguồn gốc thừa đất của ông T được tặng cho hay nhận chuyển nhượng, ông T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1991 nhưng năm 1993 vẫn còn mượn đất để làm địa điểm kinh doanh; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T là giả mạo, cụ C đứng tên đăng ký quyền sử dụng đất nhưng vì sao lại cấp Giấy chứng nhận cho ông T, ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm có một số vi phạm tố tụng như thành phố Đ UBND ủy quyền cho ông Hoàng Thăng L đại diện tham gia tố tụng là không đúng pháp luật, ông Hoàng Thanh H, ông Lê Văn H nhận chuyển nhượng thừa đất nhưng vắng mặt nên chưa làm rõ việc mua bán đúng sai như thế nào. Ông T yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T, hủy Bản án sơ thẩm, xác định 250m² thừa 264 là di sản thừa kế để chia cho các đồng thừa kế.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông T giữ nguyên kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Hoàng Công T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được xem xét, kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm. Xem xét kháng cáo của ông Hoàng Công T Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất số 264 tờ bản đồ số 7, tức thửa số 586 tờ bản đồ số 42 diện tích 298m² xã L. Trước đây vào năm 1991 do cụ Hoàng Thị C đứng tên đăng ký sử dụng, loại đất màu (đất nông nghiệp). Đến năm 1991, UBND thị xã Đ (nay là thành phố Đ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Công T, ông T đã sử dụng để xây dựng nhà cửa để ở và kinh doanh đến ngày 05/8/2013 được cấp đổi thành thửa đất số 586 tờ bản đồ số 42 diện tích 298m² xã L.

Nguyên đơn ông Hoàng Công T và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bao gồm bà Hoàng Thị B, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị L, bà Hoàng Thị T, bà Hoàng Thị H, bà Hoàng Thị H và bà Hoàng Thị D cho rằng thửa đất 264 là di sản thừa kế của cha mẹ là cụ Hoàng Công P và cụ Hoàng Thị C vì trước đây cụ C đứng tên đăng ký sử dụng đất, ông Hoàng Công T mượn đất để kinh doanh nên họ yêu cầu xác định là di sản của cụ P, cụ C, yêu cầu chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất nói trên.

Xét thấy, trước năm 1991, thửa đất số 264 tờ bản đồ số 7 xã L được xác định là đất màu (đất nông nghiệp) khi đăng ký cụ P và cụ C không xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này. Theo quy định của Luật đất đai năm 1987 thì đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do nhà nước thống nhất quản lý, chưa có chế định quyền sử dụng đất nông nghiệp là di sản thừa kế. Đến ngày 09/9/1991 ông Hoàng Công T được UBND thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông T đã sử dụng xây dựng nhà cửa để ở, làm địa điểm kinh doanh. Đối với cụ C, tại thời điểm năm 1991 cũng được UBND thị xã Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 265 tờ bản đồ số 7 diện tích 980m² xã L (các đương sự đã chia thừa kế vào năm 2020).

Từ năm 1991 cụ C không sử dụng cũng như thực hiện các quyền và nghĩa vụ gì đối với thửa đất 264. Theo quy định tại khoản 3 Điều 76 Luật đất đai năm 1993 quy định quyền sử dụng đất nông nghiệp là di sản thừa kế, tuy nhiên tại giai đoạn này cụ P, cụ C không sử dụng đất, không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất cũng không có tài sản vật kiến trúc gì của cụ P, cụ C để lại, do vậy quyền sử dụng thửa đất 264 tờ bản đồ số 7 không phải là di sản thừa kế của cụ P, cụ C.

Quá trình sử dụng đất ông Hoàng Công T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1991, nhà cửa trên đất do ông T xây dựng, đến năm 2013 ông T, bà G được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy theo quy định của Luật đất đai năm 1987, năm 1993, năm 2003 và Luật đất đai năm 2013 quyền sử dụng đất đối với thửa đất 264 nêu trên là của ông T và bà G là đúng pháp luật. Việc ông T và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng ông Hoàng Công T mượn đất của các đồng thừa kế của cụ P, cụ C; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố Đ cấp cho ông T là có sự giả mạo nhưng không đưa ra được chứng cứ, tài liệu gì để chứng minh.

[2]. Xem xét các nội dung kháng cáo về tố tụng: Việc UBND thành phố Đ ủy quyền cho ông Hoàng Thăng Long Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường tham gia tố tụng là không trái với quy định tại các Điều 87 Bộ luật Tố tụng dân sự, việc vắng mặt của ông Hoàng Thanh H, ông Lê Minh H không ảnh hưởng gì việc giải quyết đối với vụ án.

Tại Bản án sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Công T là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại giai đoạn phúc thẩm, ông T không đưa ra được chứng cứ, tài liệu gì để chứng minh quyền sử dụng thửa đất số 264, tờ bản đồ số 7 trước đây (hiện nay là thửa đất số 586 tờ bản đồ số 42 xã L) là di sản thừa kế của cụ P, cụ C. Do vậy, Hội đồng đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Do bác kháng cáo, tại giai đoạn phúc thẩm ông T không có đơn xin miễn án phí nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Công T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 97, Điều 202 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Án lệ số 40/2021/AL được Tòa án nhân dân tối cao quyết định công bố số 42/QĐ-CA ngày 12 tháng 3 năm 2021; tiết 4 điểm đ khoản 1 khoản 3 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Không chấp nhận khởi kiện của ông Hoàng Công T về việc yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 264, tờ bản đồ số 7, xã L, thành phố Đ và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A860361 ngày 09 tháng 9 năm 1991 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp cho ông Hoàng Công T; GCNQSDĐ của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án được cấp trên diện tích đất chia thừa kế.

2. Các quyết định khác về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm giữ nguyên theo quyết định của Bản án sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTV/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, ông Hoàng Công T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, ông T đã nộp đủ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002409 ngày 06/5/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình.;
- VKSND tỉnh Quảng Bình.;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình.;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn p. HCTP, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Thi